TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2018/HSST
Ngày 29/9/2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH AN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông **Mai Việt Quốc**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Huỳnh Thanh Hùng**;
Ông **Phan Phước Tân.**

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Hoàng Huynh – Thư ký Toà án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông **Hứa Thoại Khương** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2018, tại Nhà Văn hóa xã V, Tòa án nhân dân huyện A đưa ra xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 41/2018/HSST ngày 06/9/2018 đối với các bị cáo:

1. Lê Văn T, sinh năm 1988, tại A, An Giang; sinh trú quán: Ấp H, xã Đ, huyện A, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm nghề tự do; trình độ học vấn: 08/12; Cha: Lê Đức T, sinh năm 1950; mẹ: Nguyễn Thị N, sinh năm: 1952; anh chị em có 06 người, bị cáo là người thứ năm; vợ: Liêu Thị L, sinh năm: 1992; có 02 người con, con lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2014.

- Tiền sự: Chưa.

- Tiền án: Ngày 10/9/2015, bị Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang xử phạt 06 tháng tù về tội "*Trộm cắp tài sản*", đã chấp hành xong hình phạt vào ngày 02/01/2016.

- Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/5/2018 đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Hoàng A, sinh năm 1981, tại A, An Giang; sinh trú quán: Ấp H, xã Đ, huyện A, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Làm nghề tự do; trình độ học vấn: 01/12; Cha: Lê Đức T, sinh năm 1950; mẹ: Nguyễn Thị N, sinh năm: 1952; anh chị em có 06 người, bị cáo là người lớn nhất; vợ: Nguyễn Thị T, sinh năm: 1974; có 02 người con, con lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2006.

- Tiền án, tiền sự: Chưa.

- Bị cáo được tại ngoại.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Những người tham gia phiên tòa:

Bị hại:

- Phạm Hiền S, sinh năm: 1952; (vắng mặt)

- Phan Thị Mỹ N, sinh năm: 1968; (vắng mặt)

- Lê Văn Đ, sinh năm: 1973; (vắng mặt)

- Bùi Văn H, sinh năm: 1979; (vắng mặt)

Cùng cư trú: Ấp V1, xã V2, huyện A, tỉnh An Giang.

- Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1978; cư trú: Ấp V3, xã V2, huyện A, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

- Bùi Văn T, sinh năm: 1976; cư trú: Ấp V4, xã V5, huyện A, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

- Lê Thị H, sinh năm: 1984; cư trú: Ấp V6, xã V7, huyện A, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Nguyễn Thị T, sinh năm: 1974; (có mặt)

- Lưu Văn N (Tỷ N), sinh năm: 1957; (vắng mặt)

- A M, sinh năm: 1984; (vắng mặt)

- Liêu Thị L, sinh năm: 1992. (có mặt)

Cùng cư trú: Ấp H, xã Đ, huyện A, tỉnh An Giang.

- Lê Văn O (C), sinh năm: 1965; (vắng mặt)

- Võ Văn Út N, sinh năm: 1968; (có mặt)

- Nguyễn Thị Mỹ N, sinh năm: 1989; (vắng mặt)

- Nguyễn Văn S, sinh năm: 1950. (vắng mặt)

Cùng cư trú: Ấp P, xã Đ, huyện A, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 22 giờ 30 phút ngày 12/05/2018 Lê Văn T một mình điều khiển xuồng máy, bằng gỗ đi từ bè của T thuộc ấp H, xã Đ, huyện A chạy vào vàm kênh thuộc xã V2, huyện A, T chạy theo hướng từ Công an xã V2 lên xã V5. Khi đi được khoảng 01 km đến khu vực ấp V1, xã V2 thì T phát hiện một chiếc chẹt của chị Phan Thị Mỹ N đang đậu dưới kênh không có người trông coi, T áp sát xuồng và leo lên chiếc chẹt mở cửa thì phát hiện 02 cái bình ắc quy: 01 cái bình ắc quy nhãn hiệu HITACHI loại 120AH và 01 cái bình ắc quy nhãn hiệu GS loại 70AH nên T dùng tay khiêng lần lượt 02 cái bình trên qua xuồng của T do bình không có khóa đã mở sẵn. Sau đó T tiếp tục điều khiển xuồng hướng lên xã V5

khoảng 70 mét thì phát hiện một chiếc ghe cào của anh Lê Văn Đ đậu gần bờ không ai trông coi, T đến lấy trộm 01 cái bình ắc quy hiệu PINACO, loại 12v – 28AH, lấy xong T tiếp tục chạy xuồng hướng lên xã V5 khoảng 01 km thì phát hiện một ghe lúa của anh Phan Hiền S không có người trông coi, T đã đột nhập vào thì phát hiện 04 cái bình ắc quy 01 cái nhãn hiệu TOPFLIGHT, loại 12v – 150AH, 01 cái bình hiệu Đồng Nai, loại 12v – 150AH, 01 cái bình ắc qui hiệu GS, loại 12 – 150AH, 01 cái bình hiệu ENIMAC, loại 12v – 150AH nằm dưới khoan máy, T đã dùng khóa số 15 mở 02 cái bình, dùng tay mở kẹp, rồi lấy 04 cái bình đưa qua xuồng của T. Sau đó T điều khiển xuồng chạy xuống hướng về cầu Rạch C, khi đến gần đầu cầu thì phát hiện ghe cào của anh Bùi Văn H đậu gần xà lang cát, T đột nhập vào ghe của anh H lấy 01 cái bình ắc quy hiệu GLOBE loại 12v - 28AH. Đến khoảng 03 giờ 30 phút ngày 13/5/2018, T điều khiển xuồng máy đi đến khu vực trên sông thuộc ấp A, thị trấn A để trộm bình thì bị lực lượng Cảnh sát hình sự Công an huyện tuần tra phát hiện và bắt giữ T cùng tang vật. Tại cơ quan điều tra T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Ngoài ra, T còn khai nhận thực hiện thêm 04 vụ trộm bình ắc quy trên địa bàn huyện A và thị xã T rồi đem bán cho Lê Hoàng A, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào cuối tháng 7 đầu tháng 8/2017, T điều khiển xuồng máy đi đến Kênh V8 thuộc xã V5, huyện A đột nhập vào chiếc ghe bằng gỗ của anh Bùi Văn T lấy trộm 02 cái bình ắc quy: 01 bình ắc quy nhãn hiệu Đồng nai, màu trắng – đen – đỏ, loại 12v – 150AH, 01 bình ắc quy nhãn hiệu Đồng nai, màu trắng - đen – đỏ loại 12v – 100AH, sau khi lấy trộm được T mang về bán cho Lê Hoàng A (anh ruột T) 02 cái bình với giá 800.000 đồng và nói cho Hoàng A biết 02 cái bình này là do T lấy trộm của người khác. Số tiền bán được T đã tiêu xài hết.

Lần thứ hai: Vào cuối tháng 01/2018, T điều khiển xuồng máy đi đến địa phận xã P, lén lút đột nhập vào ghe bằng gỗ, loại ghe lường, đặt máy trong ghe (chưa xác định được bị hại), lấy 04 cái bình ắc quy trong đó có 02 cái loại 12v – 150 ampe, còn 02 cái nhỏ hơn không nhớ đặc điểm, nhãn hiệu, sau khi lấy được T mang về bán cho Lê Hoàng A 04 cái bình với giá 2.200.000 đồng và T cũng cho Hoàng A biết đây là tài sản do T lấy trộm.

Lần thứ ba: Vào cuối tháng 01 đầu tháng 02/2018, cũng với thủ đoạn trên T đã lén lút đột nhập vào ghe chở than của chị Lê Thị H, ngụ ấp V6, xã V7, huyện A đậu gần khu vực bến đò V7, T lấy 01 cái bình ắc quy không nhớ hiệu, lấy xong T bán lại cho Võ Văn Út N, ngụ ấp P, xã Đ với giá 400.000 đồng, số tiền này T đã tiêu xài hết.

Lần thứ tư: Vào khoảng cuối tháng 02/2018 (không nhớ ngày), T một mình chạy xuồng máy từ bè ở của T đi vào trong Kênh V2 giáp với xã T, khi đến khu vực ấp V3, xã V2 là khoảng 23 giờ, T phát hiện ghe cào cá của anh Nguyễn Văn Đ đậu gần bờ không người trong coi nên T lén lút lấy trộm 02 cái bình ắc quy: 01 cái nhãn hiệu Đồng Nai loại 12v - 28 ampe và 01 bình ắc quy nhãn hiệu Đồng Nai loại 12v - 40 ampe bình để trong khoan ghe, xong T điều khiển xuồng máy chạy ra Vàm Kênh N và đi về hướng thị xã T, khi cách bến đò Kênh N khoảng 400 mét, T tiếp tục đột nhập vào một ghe bằng gỗ, đặt máy trong ghe, loại ghe

mũi chài lấy trộm 02 cái bình ắc quy không nhớ hiệu và loại bình trong đó có 01 cái bình 150 ampe, tiếp tục đột nhập vào ghe thứ hai cách ghe trước đó 150 mét lấy trộm 02 cái bình ắc quy không nhớ đặc điểm và loại bình. Cũng giống như các lần trước, T bán 06 cái bình ắc quy này cho Hoàng A với giá 1.900.000 đồng.

Căn cứ các Kết luận về việc định giá tài sản số 01, 02 cùng ngày 08/01/2018; số 29 ngày 14/5/2018; số 34 ngày 30/5/2018 và số 44 ngày 07/8/2018, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện A, tỉnh An Giang, xác định:

- 01 (một) bình ắc quy hiệu Pinaco, loại 12V-100AH (đã qua sử dụng), có giá trị 1.150.000 đồng.

- 01 (một) bình ắc quy hiệu Đồng Nai Pinaco, loại 12V-150AH (đã qua sử dụng), có giá trị 1.640.000 đồng.

- 01 (một) bình ắc quy hiệu TOPFLIGHT, loại 12v-150AH, màu sơn đen-vàng- đỏ (đã qua sử dung), có giá trị 1.000.000 đồng.

- 01 (một) bình ắc quy hiệu Đồng Nai, loại 12V-150AH, màu sơn trắng-đen-đỏ-xanh (đã qua sử dụng), có giá trị 2.000.000 đồng.

- 01 (một) bình ắc quy hiệu GS, loại 12V-150AH, màu sơn trắng-xanh-đỏ (đã qua sử dụng), có giá trị 2.200.000 đồng.

- 01 (một) bình ắc quy hiệu ENIMAC, loại 12V-150AH, màu sơn trắng - đen (đã qua sử dụng), có giá trị 2.200.000 đồng.

- 01 (một) bình ắc quy hiệu HITACHI, loại 12V-120AH, màu sơn đen-trắng (đã qua sử dụng), có giá trị 2.500.000 đồng.

- 01 (một) bình ắc quy hiệu GS, loại 12V-70AH, màu sơn đen (đã qua sử dụng), có giá trị 1.080.000 đồng.

- 01 (một) bình ắc quy hiệu GLOBE, loại 12V-28AH, màu sơn trắng-đen-đỏ (đã qua sử dụng), có giá trị 400.000 đồng.

- 01 (một) bình ắc quy hiệu PINACO, loại 12V-28AH, màu sơn trắng-đen-đỏ (đã qua sử dụng), có giá trị 350.000 đồng.

- 02 (hai) bình ắc quy hiệu GS, loại 12V-150AH, màu sơn trắng-xanh dương (đã qua sử dụng), có giá trị 1.890.000 đồng/bình bằng 3.780.000 đồng.

- 01 (một) bình ắc quy hiệu GS, loại 12V-100AH, màu sơn trắng-xanh dương (đã qua sử dụng), có giá trị 1.400.000 đồng.

- 01 (một) bình ắc quy hiệu GS, loại 12V-120AH, màu sơn trắng-xanh dương (đã qua sử dụng), có giá trị 1.750.000 đồng.

- 01 (một) bình ắc quy hiệu Đồng Nai, loại 12V-28AH, màu sơn trắng-đen-đỏ (đã qua sử dụng), có giá trị 540.000 đồng.

- 01 (một) bình ắc quy hiệu Đồng Nai, loại 12V-40AH, màu sơn trắng-đen-đỏ (đã qua sử dụng), có giá trị 840.000 đồng.

Tổng giá trị các tài sản trên là 22.830.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 41/VKS-HS ngày 06/9/2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện A đã truy tố Lê Văn T về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự và Lê Hoàng A về tội*"Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"* theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo T, bị cáo Hoàng A cùng khai: Thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng. Các bị cáo mong muốn Hội đồng xét xử giảm nhẹ cho các bị cáo. Riêng bị cáo T đồng ý bồi thường cho ông Lê Văn Đ số tiền 1.380.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố Nhà nước tại phiên tòa phát biểu lời luận tội đối với hành vi phạm tội của các bị cáo và giữ nguyên truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất của vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, điểm h khoản 1 Điều 52, Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Văn T với mức án từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù đến 02 (hai) năm tù về tội "*Trộm cắp tài sản*"; áp dụng khoản 1 Điều 323, các điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lê Hoàng A với mức án từ 06 (sáu) tháng đến 09 tháng tù về tội *"Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"*.

Về biện pháp tư pháp, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 46, 47 và Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ Luật tố tụng hình sự, Điều 584, Điều 589 Bộ luật dân sự về xử lý vật chứng trong vụ án và bồi thường.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo xin hội đồng xét xử, xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận thấy như sau:

[1] Về thủ tục: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện A, tỉnh An Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo T, bị cáo Hoàng A không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về tố tụng: Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị T, Liêu Thị L, Võ Văn Út N cùng có mặt; Những người bị hại, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan còn lại cùng vắng mặt. Xét, những người tham gia tố tụng vắng mặt đều đã có lời khai tại Cơ quan Điều tra được thể hiện trong

hồ sơ vụ án và việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử; căn cứ Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Bị cáo T khai nhận: Vào đêm ngày 12 rạng sáng 13/05/2018 T điều khiển xuồng máy, loại xuồng bằng gỗ, cụt đuôi, màu xanh đi từ bè của mình thuộc ấp H, xã Đ, huyện A chạy vào vàm kênh thuộc ấp V1, xã V2 huyện A đột nhập vào 03 ghe và 01 chiếc chẹt gỗ lấy trộm tổng cộng 08 cái bình ắc quy các loại. Ngoài ra từ tháng 7/2017 đến ngày bị bắt T còn lấy trộm 04 lần tại địa bàn huyện A và thị xã T chiếm đoạt 13 cái bình ắc quy các loại, trong đó T bán cho Út N 01 cái và bán cho Lê Hoàng A 12 cái, với tổng số tiền là 5.300.000 đồng số tiền bán được T đã tiêu xài hết. Bị cáo đồng ý bồi thường cho ông Lê Văn Đ số tiền 1.380.000 đồng.

Bị cáo Hoàng A khai nhận trình bày: Khoảng đầu tháng 8/2017 và đầu năm 2018, Hoàng A đã ba lần mua 12 bình ắc qui của Lê Văn T rồi bán lại 10 cái cho ông S và ông O (C) thu lợi bất chính 810.000. Mua của A M 03 lần tổng cộng 19 cái bình ắc quy các loại, bị Công an xã Đ và Công an phường V8 kiểm tra thu giữ 10 cái, bán cho ông N và ông S 09 cái thu lợi bất chính 3.440.000 đồng. Việc mua bình ắc quy của T và A M do Hoàng A trực tiếp giao dịch. Trong tất cả các bình ắc qui Hoàng A mua thì đều biết là tài sản do T và A M trộm cắp mà có, vì khi mua Hoàng A có hỏi và được T và A M cho biết số bình trên do lấy trộm của người khác. Còn việc T, M lấy trộm của ai thì Hoàng A không biết vì không hứa hẹn trước với T, M. Hiện nay, bị cáo Hoàng A đã nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính.

Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo ở giai đoạn điều tra, truy tố, phù hợp với lời khai của những người bị hại, những người liên quan với các chứng cứ khác có trong hồ sơ.

Từ những lời khai và chứng cứ nêu trên đủ cơ sở xác định: Lê Văn T đã có hành vi nhiều lần lén lút lấy trộm 21 cái bình ắc quy của người khác, có tổng giá trị là 22.830.000 đồng đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự và Lê Hoàng A biết rõ bình ắc quy do T và A M trộm cắp của người khác nhưng Hoàng A vẫn mua và bán lại cho người khác để hưởng lợi 4.250.000 đồng nên phạm tội *"Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"* theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện A truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét về tính chất vụ án: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản công dân được pháp luật bảo vệ. Gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương.

Pháp luật hình sự của Nhà nước ta nghiêm cấm bất kỳ ai, ở cương vị nào nếu chiếm đoạt tài sản của tổ chức hoặc cá nhân người khác trái pháp luật thì đều bị xử theo quy định.

Bị cáo Lê Văn T và Lê Hoàng A là người trưởng thành, có sức khỏe, nhận thức tốt và điều khiển được hành vi của bản thân, đều sinh sống nghề đánh bắt cá và làm thuê.

Đối với bị cáo T: Bị cáo vừa ra tù ngày 02/01/2016. Lẽ ra bị cáo phải tìm việc làm hợp pháp để tạo ra của cải lo cho bản thân và gia đình nhưng do bản chất tham lam, lười lao động, muốn có tiền tiêu xài mà không cần phải lao động vất vả nên bị cáo tiếp tục phạm tội trộm cắp tài sản với tính chất mức độ và hậu quả nghiêm trọng hơn. Cụ thể bị cáo đã thực hiện 05 vụ trộm 21 bình ắc quy trên địa bàn huyện A và thị xã T với tổng giá trị 22.830.000 đồng. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thực hiện với lỗi cố ý, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ. Hành vi của bị cáo T gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình an ninh trât tự nơi xảy ra, gây tâm lý hoang mang cho người dân. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội *"Trộm cắp tài sản"* theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Hoàng A: Tuy bị cáo không hứa hẹn trước với bị cáo T và A M về việc tiêu thụ bình ắc quy do T và A M trộm được nhưng sau khi T và A M trộm được bình ắc quy mang đến thì bị cáo đồng ý mua 07 lần, sau đó bị cáo đem bán lại cho ông S, ông O, ông Tỷ N với tổng số tiền thu lợi 4.250.000 đồng. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội thực hiện với lỗi cố ý, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội *"Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"* theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

[4] Xét về nhân thân và lượng hình:

Đối với bị cáo T: Bị cáo có nhân thân xấu, có 01 tiền án. Ngày 10/9/2015, bị Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang xử phạt 06 tháng tù về tội "*Trộm cắp tài sản*", đã chấp hành xong hình phạt vào ngày 02/01/2016, chưa xóa án tích. Đến cuối tháng 7, đầu tháng 8 năm 2017 bị cáo lại tiếp tục phạm tội với tính chất mức độ và hậu quả nghiêm trọng hơn nên lần phạm tội này được xem là tái phạm theo điểm h Điều 52 Bộ luật hình sự. Ngoài ra bị cáo thực hiện 05 vụ trộm nên đã phạm vào tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Điều này chứng tỏ bản án trước đây không đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo trở thành người tốt nên cần phải có một hình phạt tương xứng cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài hơn để bị cáo có đủ thời gian suy nghĩ về việc làm của mình như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Tuy nhiên, lần phạm tội này cũng có xem xét cho bị cáo T ở hành vi thật thà khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải, bị cáo đã tự thú các lần phạm tội trước, gia đình của bị cáo đã nộp 5.300.000 đồng để khắc phục hậu quả cho T. Ngoài ra bị cáo T là lao động chính trong gia đình, có 02 con nhỏ tuổi, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn nên HĐXX giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo T như đề nghị của Kiểm sát viên.

Đối với bị cáo Lê Hoàng A: Bị cáo đã 07 lần mua bình ắc quy của Lê Văn T và A M trộm được nên đã phạm vào tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo Hoàng A có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo

thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải, bị cáo tự thú các lần phạm tội trước, bị cáo đã nộp hết số tiền thu lợi bất chính cho cơ quan điều tra nên HĐXX giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo Hoàng A như đề nghị của Kiểm sát viên.

Đối với Nguyễn Thị T là vợ của bị cáo Hoàng A. Do không biết nguồn gốc số bình ắc quy trên do trộm mà có, khi mua bình ắc quy thì Hoàng A không nói cho T4 biết về nguồn gốc số bình trên. Do vậy hành vi của T không cấu thành tội phạm.

Đối với A M, tại cơ quan điều tra A M không khai nhận hành vi phạm tội của mình của mình, ngoài lời khai của bị cáo Hoàng A và Nguyễn Thị T về A M, do vậy chưa đủ căn cứ để xử lý hình sự đối với A M. Khi nào có căn cứ sẽ xử lý sau.

Đối với các ông Lưu Văn N, Nguyễn Văn S, Lê Văn O, Võ Văn Út N tuy không biết số bình ắc quy đã mua là tài sản trộm mà có, khi bị cáo Hoàng A bán cho họ đều không nói cho họ biết nguồn gốc tài sản do trộm mà có nên cơ quan điều tra Công an huyện A không xử lý đối với các ông là có căn cứ. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay cần giáo dục các ông về nhận thức chấp hành pháp luật. Khi mua tài sản phải tìm hiểu về nguồn gốc người bán tài sản, nguồn gốc của tài sản để không tiếp tay cho tội phạm, góp phần răn đe, phòng ngừa tội phạm.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Đối với thiệt hại tài sản của bị hại Lê Văn Đ có yêu cầu bồi thường 1.380.000 đồng là có căn cứ và tại phiên tòa hôm nay bị cáo T đồng ý bồi thường số tiền này cho ông Đ nên buộc bị cáo T phải bồi thường cho ông Đ.

Những người bị hại còn lại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu nên HĐXX không đề cập đến.

[6] Về vật chứng được xử lý như sau:

- 01 (một) xuồng gỗ màu sơn xanh, đã qua sử dụng;

- 01 (một) máy nổ hiệu TAKANO màu cam, 7,5HP, láp máy màu sơn trắng-xanh-đỏ, đã qua sử dụng;

- 01 (một) bình ắc quy hiệu SCB, loại 12V-75AH màu sơn trắng-đen-vàng, đã qua sử dụng;

- 01 (một) đèn chiếu sáng công suất 35W, loại đèn chụp đầu, đã qua sử dụng;

- 01 (một) tu vít bằng kim loại, cán cầm bằng nhựa màu vàng, đã qua sử dụng;

- 01 (một) tu vít bằng kim loại, cán cầm bằng nhựa màu xanh, đã qua sử dụng;

- 01 (một) tu vít bằng kim loại, cán cầm bằng nhựa màu đen, đã qua sử dụng;

- 01 (một) cờ lê (chìa khóa vặn đại ốc) số 17 và số 19 bằng kim loại, đã qua sử dụng;

- 01 (một) cờ lê (chìa khóa vặn đại ốc) số 13 bằng kim loại, đã qua sử dụng;

- 01 (một) cờ lê (chìa khóa vặn đại ốc) số 14 bằng kim loại, đã qua sử dụng;

- 01 (một) cờ lê (chìa khóa vặn đại ốc) số 12 bằng kim loại, đã qua sử dụng;

- 01 (một) chìa khóa vặn đại ốc) số 13 dạng ống Điếu hình chữ "L" bằng kim loại, đã qua sử dụng;

- 01 (một) kéo mỏ nhọn bằng kim loại màu trắng, đã qua sử dụng;

- 01 (một) kìm cộng lực bằng kim loại màu xanh, cán cầm bằng nhựa màu đen, đã qua sử dụng;

- 01 (một) mỏ lết bằng kim loại màu trắng, đã qua sử dụng;

Các vật chứng trên thu giữ trên xuồng của bị cáo Tài. Bị cáo Tài dùng làm công cụ, phương tiện phạm tội, còn giá trị sử dụng nên sẽ tịch thu sung quỹ nhà nước.

- 01 (một) dao bấm bằng kim loại màu đen, đã qua sử dụng;

- 01 (một) thiết bị xung điện cầm tay màu sơn đen, bên trên có dãy số "704", đã qua sử dụng, chưa kiểm tra thực tế bên trong;

- 01 (một) bộ xung biến điện đánh bắt cá, đã qua sử dụng, chưa kiểm tra thực tế bên trong;

- 01 (một) sợi dây thừng màu trắng dài 340cm, có 11 nút thắt rút mỗi nút thắt cách nhau 30 cm, đã qua sử dụng;

Các vật chứng trên thu giữ trên xuồng của bị cáo Tài, bị cáo Tài sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu tiêu hủy.

- 01 (một) điện thoại di dộng hiệu Nokia 1280, màu sơn đen, đã qua sử dụng, chưa kiểm tra thực tế bên trong;

- 01 (một) chài lưới đánh bắt cá, đã qua sử dụng;

- 01 (một) áo khoác nam dài tay màu sọc rằn ri xám-trắng-đen, đã qua sử dụng;

Các vật chứng trên được thu giữ trên xuồng của bị cáo T, đây là tài sản cá nhân của bị cáo không liên quan đến vụ án nên sẽ trả cho bị cáo.

- 01 (một) bình ắc quy hiệu ENIMAC loại 12V – 30AH, màu sơn trắng, đã qua sử dụng;

- 01 (một) điện thoại di dộng hiệu Samsung Galaxy J7+, màu sơn đen, số imel 1: 352808091634246, số imel 2: 352809091634244, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong.

- 05 (năm) tua vít bằng kim loại, cán cầm bằng nhựa đã qua sử dụng.

- 02 (hai) cờ lê (khóa vặn ốc) số 19 bằng kim loại, đã qua sử dụng.

- 01 (một) cờ lê (khóa vặn ốc) số 18 bằng kim loại, đã qua sử dụng.

- 01 (một) cờ lê (khóa vặn ốc) số 17 bằng kim loại, đã qua sử dụng.

- 01 (một) cờ lê (khóa vặn ốc) số 14 bằng kim loại, đã qua sử dụng.

- 02 (hai) cờ lê (khóa vặn ốc) số 13 bằng kim loại, đã qua sử dụng.

- 01 (một) cờ lê (khóa vặn ốc) số 12 bằng kim loại, đã qua sử dụng.

- 05 (năm) khóa vặn ốc dạng ống điếu hình chữ "L" bằng kim loại, đã qua sử dụng.

- 03 (ba) dụng cụ cạo chai bằng kim loại hình chữ "Z", đã qua sử dụng.

- 01 (một) kìm bấm, bằng kim loại đã qua sử dụng.

- 02 chân vịt máy 3 cánh bằng kim loại.

Các vật chứng trên được thu giữ trên bè của Lê Văn T, không liên quan đến vụ án nên trả lại cho bị cáo T.

Đối với số tiền 11.370.000 đồng gồm 11.170.000 đồng của bị cáo T, bị cáo Hoàng A, những người liên quan ông S, ông N giao nộp, đây là số tiền thu lợi bất chính nên sẽ tích thu sung vào công quỹ Nhà nước, số tiền còn lại 200.000 đồng thu giữ trên người bị cáo T tiếp tục giao cho Cơ quan thi hành án quản lý để đảm bảo phần bồi thường cho ông Đ.

Lẽ ra, các bị cáo còn có thể bị phạt tiền nhưng xét bị cáo hiện đang có hoàn cảnh khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội *"Trộm cắp tài sản";* bị cáo Lê Hoàng A phạm tội *"Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"*

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo được tính kể từ ngày bắt tạm giam 13/5/2018.

Căn cứ khoản 1 Điều 323, các điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 bộ luật hình sự; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Lê Hoàng A 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo được tính kể từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành án hoặc kể từ ngày bị bắt chấp hành án

Căn cứ các Điều 46, 47 và Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 584, Điều 589 Bộ luật dân sự;

Buộc bị cáo Lê Văn T bồi thường cho ông Lê Văn Đ số tiền 1.380.000 đồng.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước:

- 01 (một) xuồng gỗ màu sơn xanh, đã qua sử dụng;

- 01 (một) máy nổ hiệu TAKANO màu cam, 7,5HP, láp máy màu sơn trắng-xanh-đỏ, đã qua sử dụng;

- 01 (một) bình ắc quy hiệu SCB, loại 12V-75AH màu sơn trắng-đen-vàng, đã qua sử dụng;

- 01 (một) đèn chiếu sáng công suất 35W, loại đèn chụp đầu, đã qua sử dụng;

- 01 (một) tu vít bằng kim loại, cán cầm bằng nhựa màu vàng, đã qua sử dụng;

- 01 (một) tu vít bằng kim loại, cán cầm bằng nhựa màu xanh, đã qua sử dụng;

- 01 (một) tu vít bằng kim loại, cán cầm bằng nhựa màu đen, đã qua sử dụng;

- 01 (một) cờ lê (chìa khóa vặn đại ốc) số 17 và số 19 bằng kim loại, đã qua sử dụng;

- 01 (một) cờ lê (chìa khóa vặn đại ốc) số 13 bằng kim loại, đã qua sử dụng;

- 01 (một) cờ lê (chìa khóa vặn đại ốc) số 14 bằng kim loại, đã qua sử dụng;

- 01 (một) cờ lê (chìa khóa vặn đại ốc) số 12 bằng kim loại, đã qua sử dụng;

- 01 (một) chìa khóa vặn đại ốc) số 13 dạng ống Điếu hình chữ "L" bằng kim loại, đã qua sử dụng;

- 01 (một) kéo mỏ nhọn bằng kim loại màu trắng, đã qua sử dụng;

- 01 (một) kìm cộng lực bằng kim loại màu xanh, cán cầm bằng nhựa màu đen, đã qua sử dụng;

- 01 (một) mỏ lết bằng kim loại màu trắng, đã qua sử dụng;

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) dao bấm bằng kim loại màu đen, đã qua sử dụng;

- 01 (một) thiết bị xung điện cầm tay màu sơn đen, bên trên có dãy số "704", đã qua sử dụng, chưa kiểm tra thực tế bên trong;

- 01 (một) bộ xung biến điện đánh bắt cá, đã qua sử dụng, chưa kiểm tra thực tế bên trong;

- 01 (một) sợi dây thừng màu trắng dài 340cm, có 11 nút thắt rút mỗi nút thắt cách nhau 30 cm, đã qua sử dụng;

Trả lại cho Lê Văn T:

- 01 (một) điện thoại di dộng hiệu Nokia 1280, màu sơn đen, đã qua sử dụng, chưa kiểm tra thực tế bên trong;

- 01 (một) chài lưới đánh bắt cá, đã qua sử dụng;

- 01 (một) áo khoác nam dài tay màu sọc rằn ri xám-trắng-đen, đã qua sử dụng;

- 01 (một) bình ắc quy hiệu ENIMAC loại 12V – 30AH, màu sơn trắng, đã qua sử dụng;

- 01 (một) điện thoại di dộng hiệu Samsung Galaxy J7+, màu sơn đen, số imel 1: 352808091634246, số imel 2: 352809091634244, đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong.

- 05 (năm) tua vít bằng kim loại, cán cầm bằng nhựa đã qua sử dụng.

- 02 (hai) cờ lê (khóa vặn ốc) số 19 bằng kim loại, đã qua sử dụng.

- 01 (một) cờ lê (khóa vặn ốc) số 18 bằng kim loại, đã qua sử dụng.

- 01 (một) cờ lê (khóa vặn ốc) số 17 bằng kim loại, đã qua sử dụng.

- 01 (một) cờ lê (khóa vặn ốc) số 14 bằng kim loại, đã qua sử dụng.

- 02 (hai) cờ lê (khóa vặn ốc) số 13 bằng kim loại, đã qua sử dụng.

- 01 (một) cờ lê (khóa vặn ốc) số 12 bằng kim loại, đã qua sử dụng.

- 05 (năm) khóa vặn ốc dạng ống điếu hình chữ "L" bằng kim loại, đã qua sử dụng.

- 03 (ba) dụng cụ cạo chai bằng kim loại hình chữ "Z", đã qua sử dụng.

- 01 (một) kìm bấm, bằng kim loại đã qua sử dụng.

- 02 chân vịt máy 3 cánh bằng kim loại.

(Theo biên bản bàn giao vật chứng ngày 06/9/2018 giữa Công an huyện A và Chi cục thi hành án huyện A).

Tịch thu sung vào công quỹ Nhà nước số tiền 11.170.000 đồng

Duy trì số tiền 200.000 đồng đã nộp tại kho bạc nhà nước vào tài khoản số 3949.0.90441373.00000 tại Kho bạc nhà nước huyện A vào ngày 12/4/2018 để đảm bảo thi hành án cho ông Nguyễn Văn Đ.

(Tổng số tiền 11.370.000 đồng đã nộp tại Kho bạc Nhà nước huyện A, số tài khoản 3949.0.9041373.00000 ngày 06/9/2018)

Căn cứ Điều 135, Điều 136, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Buộc bị cáo Lê Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự và 300.000 đồng án phí dân sự, bị cáo Lê Hoàng A phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với án phí) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với số tiền bồi thường) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của những người vắng mặt là 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TA tỉnh;
- VKS huyện;
- Nhà tạm giữ;
- H/s N.Vụ CA
- Bị cáo;
- THA hình sự;
- THA dân sự;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Mai Việt Quốc